TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Ngọc Hấn
- Bà Nguyễn Thị Diệp Anh
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa*:**
- Bà Nguyễn Thị Hiền - *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2019 về việc "Ly hôn" - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T**; sinh năm 1959

Hộ khẩu thường trú: (số cũ) Số 5, tổ 2 P (số mới) Số 17 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội - (Có mặt)

* **Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn V**; sinh năm 1959

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: (số cũ) Số 5, tổ 2 P (số mới) Số 17 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội - (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T và lời trình bày của bà tại Toà án như sau:

Quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Tuấn V tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức Lễ cưới vào khoảng đầu tháng 11/1985. Đến ngày 28/11/1985 ông bà đăng ký kết hôn tại UBND quận H, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại số 5, tổ 2 P (nay là số nhà 17 P), phường P, quận H, Thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ ông V. Thời gian sống ở đây ông bà không có công sức đóng góp xây dựng, sửa chữa gì.

Quá trình chung sống, ông bà hạnh phúc được hai năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình, cách sống không phù hợp. Ông V không có trách nhiệm với

gia đình, vợ con. Khi đó, ông bà không đánh cãi chửi nhau mà chỉ nói với nhau những câu rất thậm tệ.

Đến năm 1993 thì ông bà mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân do ông V chơi cờ bạc dẫn đến nợ, sống không có trách nhiệm với vợ con. Từ đó ông bà thường xuyên cãi nhau. Đầu năm 1994 khi bà mang thai con thứ hai, ông V bắt bà phải phá thai nhưng bà không đồng ý. Do các con còn nhỏ nên bà cố chịu đựng để chung sống.

Đến khoảng giữa năm 2013 do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và không có tiếng nói chung nên bà và ông V đã cùng ký Đơn thuận tình ly hôn. Nhưng ông bà chưa nộp đơn ra Tòa. Theo bà, do ông V không muốn bà gửi Đơn ra Tòa án để giải quyết ly hôn nên ông V đã nói với mọi người trong nhà là bà bị tâm thần nên ông thuê xe taxi chở bà vào khoa tâm thần Bệnh Viện B, mỗi lần khoảng 3 - 4 tháng, để bác sĩ tiêm thuốc độc vào người bà, nhưng sau đó bà đã trốn Viện về nhà được một thời gian. Đến khoảng cuối năm 2014 thì ông V lại đưa bà vào Bệnh Viện B lần thứ 2 và bà phải ở trong Bệnh viện 03 tháng mới được ra viện. Trong thời gian bà ở trong Bệnh viện B, bà đã viết Đơn kêu cứu gửi Công an nhưng không được giúp. Lần thứ 3 vào khoảng giữa năm 2015 ông V thuê xe ô tô chở bà đến khoa cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện T, Hà Nội để họ tiêm thuốc nghiện cho bà, mục đích làm bà tâm thần thật. Khi được về nhà bà không dám quay về sống cùng với ông V mà bà phải đi ở nhờ nhà chùa rất nhiều nơi.

Tất cả những mâu thuẫn kể trên tích tụ lại, khiến bà ngày càng không còn tình cảm với ông V. Từ cuối năm 2015 bà và ông V sống ly thân cho đến nay.

Từ khi bà ra khỏi nhà của bố mẹ chồng cho đến nay, bà hoàn toàn ly thân với ông V, không còn tình cảm gì với ông V, kinh tế của ông bà độc lập. Bà không mang bất cứ tài sản gì của vợ chồng khi ra khỏi nhà.

Nay các con đã khôn lớn, con lớn đã có gia đình riêng, con thứ hai đi làm, tự lo cuộc sống, bà không phải lo cho các con nên bà quyết định ly hôn để tự giải phóng cho mình, bà muốn vào chùa sống nốt những ngày tuổi già.

Về con chung: Bà và ông V có hai con chung tên là Nguyễn Tuấn A; sinh ngày 18/8/1987 và Nguyễn Tâm L; sinh ngày 15/12/1994.

Các con đều đã trưởng thành, con lớn là Tuấn A đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Động sản, bất động sản và công nợ chung bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà T tự lo nơi ở của mình.

**** Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải - bị đơn ông Nguyễn Tuấn V trình bày:*** Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng nhưng theo ông sự việc xảy ra đã lâu. Ông công nhận đã 02 lần đưa bà T vào khoa tâm thần Bệnh Viện B, 03 lần vào khoa cai nghiện tại T như bà T trình bày là đúng, nhưng ông không nói lý do. Ông nhận thấy việc làm của ông là sai trái và mong muốn bà T quay về đoàn tụ để các con có mẹ.

Nay, trước yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông vẫn còn tình cảm với bà T. Ông đã nhận thức ra được cái sai trái của mình và mong muốn bà T quay về đoàn tụ để các con có mẹ. Đến nay ông không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Nếu bà T vẫn kiên quyết ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Ông bà có 02 con tên là Nguyễn Tuấn A; sinh ngày 18/8/1987 và Nguyễn Tâm L; sinh ngày 15/12/1994.

Các con đều đã trưởng thành, Tuấn A đã có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Động sản, bất động sản và công nợ chung ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhà số 5, tổ 2 P (nay là số nhà 17 P), phường P, quận H, Hà Nội là nhà của bố mẹ ông. Thời gian ông bà chung sống tại đây, ông bà không có công sức đóng góp xây dựng, sửa chữa gì.

Nếu phải ly hôn, bà T tự lo chỗ ở mới, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày tại Tòa án.

Bị đơn ông V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**** Đại diện Viện kiểm sát quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng, tiến độ giải quyết vụ án và thời gian chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu; Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông V. Về con chung anh Tuấn A và anh L đã trưởng thành nên không xét. Tài sản chung: Động sản và bất động sản ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Nhà số 5, tổ 2 P (nay là số 17 P), phường P, quận H, Thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ ông V. Trong thời gian ông bà chung sống tại đây, ông bà không có công sức đóng góp xây dựng, sửa chữa gì. Sau khi ly hôn, bà T tự đi lo chỗ ở mới nên không xét. Công nợ chung: Ông bà không vay nợ ai, không ai nợ ông bà, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của đại diện Viện kiểm sát, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Bà Hoàng Thị T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với ông Nguyễn Tuấn V. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn Tuấn V hiện cư trú tại số 5, tổ 2 P (nay là số 17 P), phường P, quận H, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.2 Về trình tự tố tụng: Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn V vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai; Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với ông V. Tại phiên tòa hôm nay, ông V không đến tham gia phiên tòa; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà xét xử vắng mặt ông V là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

2.1 Quan hệ hôn nhân*:* Bà Hoàng Thị T và ông Nguyễn Tuấn V tự nguyện tìm hiểu. Được hai gia đình đồng ý, ông bà tổ chức Lễ cưới vào khoảng đầu tháng 11/1985. Đến ngày 28/11/1985 ông bà đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày: Trong quá trình chung sống, ông bà hạnh phúc được một thời gian sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Do ông V đánh bạc, nợ tiền, sống không có trách nhiệm với vợ con; từ đó ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Về phía ông V cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng.

Ngoài lời khai của bà T và ông V; Tòa án đã xác minh tại địa phương thể hiện quá trình chung sống ông bà mâu thuẫn đã nhiều năm. Từ năm 2013 đã nhiều lần bà T không ở nhà mà vào chùa ở. Hiện nay bà T không còn sống với ông V tại P mà chuyển đi nơi khác.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông V kéo dài đã nhiều năm. Năm 2013 ông bà đã cùng ký vào Đơn thuận tình ly hôn nhưng chưa gửi đơn ra Tòa án. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Bà T xin ly hôn, Tòa án đã hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng ông V chỉ đến tham gia phiên hòa giải một lần, sau đó không đến Tòa án điều đó thể hiện ông V không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa. Mặc dù ông V trình bày không muốn ly hôn nhưng ông cũng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng. Cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, vợ chồng đã ly thân nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, hòa thuận, vợ chồng thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau không đạt được. Nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi bên nhất là với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy khả năng đoàn tụ của bà T và ông V không còn nên cần chấp nhận Đơn xin ly hôn của bà T đối với ông V là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn A; sinh ngày 18/8/1987 và Nguyễn Tâm L; sinh ngày 15/12/1994.

Các con của ông bà đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3 Về tài sản chung:

Động sản, bất động sản và công nợ chung: Bà T và ông V đều xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, bà T tự lo nơi ở của mình.

Về án phí: Bà T phải chị án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

**** Vì các lẽ trên,***

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị T đối với ông Nguyễn Tuấn V.

Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn V.

2. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn A; sinh ngày 18/8/1987 và Nguyễn Tâm L; sinh ngày 15/12/1994.

Hiện các con của ông bà đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Động sản và bất động sản ông bà không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

4. Về công nợ chung: Ông bà không vay nợ ai, không ai vay nợ ông bà, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo Biên lai số 0003151 ngày 12/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Tuấn V vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-VKSNDQ Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự Q. Hoàn Kiếm;
- UBND P.Phúc Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa